

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
KỲ THI KTHP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 04/08/2022

Môn: KIỂM TOÁN 1

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án - thang điểm gồm 03 trang)

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
1		Nghiệp vụ phát sinh Vay ngắn hạn ngân hàng để chuyển vào tài khoản ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng	0.25đ
	1/	* Cơ sở dẫn liệu liên quan đến nghiệp vụ: - Giấy báo Có của NH - Hợp đồng vay - Các sổ liên quan: Sổ TGNH, Sổ Chi tiết và sổ Cái vay ngắn hạn.	0.25đ
2/		Nghiệp vụ phát sinh Thanh toán tiền cho Công ty Hưng Phát bằng tiền mặt 2.750.000 đồng	0.25đ
		* Cơ sở dẫn liệu liên quan đến nghiệp vụ: - Phiếu chi; - Hóa đơn mua hàng; - Bảng đối chiếu công nợ với nhà cung cấp; - Các sổ liên quan: Sổ tiền mặt, Sổ chi tiết phải trả người bán.	0.25đ
3/		Nghiệp vụ phát sinh Bán hàng hóa cho đơn vị Y trị giá bán chưa thuế là 60.000.000 đồng, thuế GTGT 10% chưa thu tiền.	0.25đ
		* Cơ sở dẫn liệu liên quan đến nghiệp vụ: - Hóa đơn bán hàng; - Phiếu xuất kho hàng hóa; - Bảng xác nhận công nợ (nếu có); - Các sổ liên quan: Sổ bán hàng, Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Y), Sổ thuế GTGT.	0.25đ
4/		Nghiệp vụ phát sinh Chuyển khoản qua ngân hàng để trả lương cho cán bộ công nhân viên 100.000.000 đồng.	0.25đ
		* Cơ sở dẫn liệu liên quan đến nghiệp vụ: - Giấy báo Nợ của ngân hàng; - Bảng thanh toán lương; - Các sổ liên quan: Sổ TGNH, Sổ tiền lương	0.25đ

	<p>Nghiệp vụ phát sinh Thu tiền vi phạm hợp đồng của Công ty X bằng tiền mặt 5.000.000 đồng.</p>	0.25đ
5/	<p>* Cơ sở dẫn liệu liên quan đến nghiệp vụ: - Phiếu thu tiền mặt; - Biên bản phạt vi phạm hợp đồng; - Các sổ liên quan: Sổ TGNH, Sổ thu nhập khác.</p>	0.25đ
	<p>Nghiệp vụ phát sinh Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên B mua hàng hóa số tiền 3.500.000 đồng.</p>	0.25đ
6/	<p>* Cơ sở dẫn liệu liên quan đến nghiệp vụ: - Phiếu chi tiền mặt; - Giấy đề nghị tạm ứng,... - Các sổ liên quan: Sổ tiền mặt, sổ phải thu tạm ứng,...</p>	0.25đ
2	<p>2.1. Phân tích các tỷ suất cơ bản và dựa vào các chỉ tiêu bình quân ngành để so sánh sau đó nhận xét (ĐVT: 1.000.000đ)</p>	
	<p>Tỷ suất khả năng thanh toán hiện hành (TTHH)</p> $\text{Tỷ suất khả năng TT hiện thời} = \frac{\text{Tổng tài sản lưu động}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$ <p>Năm N: Tỷ suất K/N TTHH = 3.100/ 1.500 = 2,0 Năm N+1: Tỷ suất K/N TTHH = 2.500/900 = 2,78</p>	1.5đ
1/	<p><u>NX</u>: Tỷ suất K/N TTHH của năm nay (Năm N+1: 2,78) cao hơn năm trước (Năm N: 2,0) và thấp hơn số bình quân ngành (3,2; 3,0). Kiểm toán viên Minh cần tìm hiểu nguyên nhân xem đó là gì? Do giảm các khoản vay ngắn hạn, nợ nhà cung cấp, do chi trả bớt nợ hay do ghi chép sai... => Kiểm toán viên Minh cần lưu ý đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp vì điều này liên quan đến tính hoạt động liên tục của đơn vị.</p>	0.5đ
	<p>Vòng quay hàng tồn kho (HTK)</p> $\text{Vòng quay HTK} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Số dư HTK bình quân}}$ <p>Năm N: Vòng quay HTK = 2.550/ 1.000 = 2,6 vòng Năm N+1: Vòng quay HTK = 3.450/ (1680/2) = 4,1 vòng</p>	1.5đ
2/	<p><u>NX</u>: Hệ số vòng quay HTK của năm nay (Năm N+1: 4,1) nhanh hơn</p>	0.5đ

	<p>năm trước (Năm N: 2,6) cho thấy tốc độ luân chuyển HTK tại đơn vị có tiến bộ nhanh hơn năm trước khá nhiều giải quyết lượng tồn kho đáng kể. Tuy nhiên năm nay tốc độ luân chuyển HTK thấp hơn số bình quân ngành (năm N+1: 5,5). Vấn đề là Kiểm toán viên Minh cần quan tâm nguyên nhân của sự gia tăng này, do nhu cầu thực tế tăng (xã hội ngày càng nhiều công trình xây dựng phát triển, nhu cầu xây nhà ở nhiều hơn trước), do thay đổi thị hiếu hay do ghi chép tính giá sai,....</p> <p>=> Kiểm toán viên Minh cũng cần xem xét đến việc lập dự phòng giảm giá HTK đã được thực hiện đầy đủ chưa.</p>				
	<p>Vòng thu nợ phải thu (NPTh)</p> $\text{Vòng quay Nợ phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư nợ phải thu bình quân}}$ <p>Năm N: Vòng thu NPTh = $(6000 - 250) / 1.500 = 3,83$ (3,8) vòng Năm N+1: Vòng thu NPTh = $(7500 - 300) / (2.750/2) = 5,24$ vòng</p>	1.5đ			
3/	<p>NX: Hệ số vòng quay NPThu của năm nay (Năm N+1: 5,24) cao hơn năm trước (Năm N: 3,83) và thấp hơn số bình quân ngành (13,5; 14,5). Kiểm toán viên Minh cần tìm hiểu nguyên nhân có biến đổi tích cực nhưng vẫn thấp hơn số bình quân ngành: do DN thay đổi chính sách bán chịu hay do ghi chép sai,... Ngoài ra, việc hệ số vòng quay nợ phải thu này chậm so với số bình quân ngành có thể đưa đến một số khoản nợ phải thu thành nợ khó đòi.</p> <p>=>Do vậy, cần xem xét đến việc lập dự phòng phải thu khó đòi.</p>	0.5đ			
	<p>4/ Tỷ suất lãi gộp</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><u>Tỷ suất lãi gộp</u></td> <td style="text-align: center;">=</td> <td style="text-align: center;">$\frac{\text{Lãi gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$</td> </tr> </table> <p>Năm N: Tỷ suất lãi gộp = $(6000 - 250 - 2550) / 5750 = 0,56$ (56%) Năm N+1: Tỷ suất lãi gộp = $(7500 - 300 - 3450) / 7200 = 0,52$ (52%)</p>	<u>Tỷ suất lãi gộp</u>	=	$\frac{\text{Lãi gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$	0.5đ
<u>Tỷ suất lãi gộp</u>	=	$\frac{\text{Lãi gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$			
4/	<p>NX: Tỷ suất lãi gộp của năm nay (Năm N+1: 52%) thấp hơn năm trước (Năm N: 56%) và so với số bình quân ngành đều cao hơn (35%; 30%), nghĩa là tỷ suất này biến động tăng so với toàn ngành. Kiểm toán viên Minh cần lưu ý tỷ suất này tăng là do thuận lợi trong kinh doanh, sự thay đổi chính sách giá của đơn vị, việc tăng cường kiểm soát chi phí mua hàng của đơn vị hay do khai thấp giá vốn hàng bán, ghi tăng doanh thu,...?</p>	0.5đ			